



tuō ér

托儿

noun · shill; decoy

Example Sentences

Nà gè pái duì de rén qí shí shì tuō ér
那个排队的人其实是托儿。

That person in line is actually a shill.

Shāng jiā gù tuō ér lái jiǎ zhuāng gù kè
商家雇托儿来假装顾客。

The merchant hired shills to pretend to be customers.

Trace each character, then write the word on your own.

托	托	托	托	托	托	托	托	托											
儿	儿	儿	儿	儿															